

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 630/2024/DSST
Ngày: 15/8/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đào Tiến Trung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Văn Thanh.

2/ Ông Nguyễn Kim Long.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Trần Hoàng Phúc – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân: bà Nguyễn Thị Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2024 tại Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 457/2024/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định xét xử số 387/2024/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 319/20214/QĐST-DS ngày 23/7/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng S; địa chỉ số: đường NKKN, phường VTS, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Người đại diện theo pháp luật: bà Nguyễn Đức Thạch Diễm – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Thành N (Giấy ủy quyền số: 7318/2024/UQ-TGD ngày 07 tháng 5 năm 2024) (*có đơn xin vắng mặt*)

Bị đơn: ông Nguyễn Đức T, sinh năm: 1994; địa chỉ số: đường LTT, phường BHH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2023, bản tự khai, bảng tính lãi, lời khai trong quá trình giải quyết, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 13 tháng 3 năm 2020, ông Nguyễn Đức T và Ngân hàng S (sau đây gọi là Ngân hàng) đã ký kết Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và điều kiện phát hành và sử

dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S) với hạn mức tín dụng là 25.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Lãi suất trong hạn là 2.6%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông Nguyễn Đức T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 27.700.000 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay, ông Nguyễn Đức T đã thanh toán cho Ngân hàng S tổng số tiền 13.112.158 đồng (Bao gồm tiền gốc và lãi). Tính đến ngày 22/8/2021 ông Nguyễn Đức T còn nợ là 26.010.630 đồng. Qua nhiều lần làm việc, ông Nguyễn Đức T vẫn không có thiện chí trả nợ nên ngày 22 tháng 11 năm 2021, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn với số tiền dư nợ là 27.738.390 đồng làm dư nợ quá hạn áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Sau khi chuyển nợ quá hạn, ngày 08 tháng 8 năm 2022, Ngân hàng đã ra Thông báo về việc khởi kiện và liên hệ để yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Đức T thanh toán tiền nợ. Đồng thời, Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ. Tuy nhiên, bị đơn ông Nguyễn Đức T vẫn không trả nợ cho Ngân hàng, vi phạm điều khoản đã quy định tại Hợp đồng đã ký kết.

Nay Ngân hàng S đề nghị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh buộc bị đơn là ông Nguyễn Đức T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày 15/8/2024 là 64.808.070 đồng (nợ gốc là: 27.738.390 đồng; nợ lãi quá hạn là 37.069.680 đồng) và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 15 tháng 8 năm 2024 cho đến khi trả hết nợ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã nhiều lần tiến hành triệu tập ông Nguyễn Đức T lên để làm việc nhưng ông Nguyễn Đức T vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu về việc chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự của thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự và xác định: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Về thời hạn giải quyết vụ án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đầy đủ cơ sở để xác định ông Nguyễn Đức T có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng với Ngân hàng S với hạn mức tín dụng là 25.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng số tiền vay thì ông Nguyễn Đức T đã thanh toán được số tiền là 27.700.000 đồng. Sau đó, ông Nguyễn Đức T không thanh toán bất cứ khoản nào cho Ngân hàng S.

Nay Ngân hàng S yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Đức T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ 15/8/2024 là 64.808.070 đồng (nợ gốc là: 27.738.390 đồng; nợ lãi quá hạn là 37.069.680 đồng) và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 15 tháng 8 năm 2024 cho đến khi trả hết nợ.

Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tranh chấp giữa Ngân hàng S và ông Nguyễn Đức T là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, ông Nguyễn Đức T khi giao kết hợp đồng có địa chỉ tại số: đường LTT, phường BHH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không đăng ký tạm trú, không thực tế cư trú tại địa phương (Công an phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân trả lời xác minh cư trú cho Tòa án nhân dân quận Bình Tân ngày 21 tháng 11 năm 2023). Ngoài ra, theo Biên bản xác minh ngày 12 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh thì ông Nguyễn Đức T có hộ khẩu thường trú tại xã HT, huyện HK, tỉnh HT, rời đi khỏi địa phương từ năm 2018 và có nơi ở hiện tại tại phường Bình Hưng Hòa, quận bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân tối cao ngày 05 tháng 5 năm 2017 thì việc ông Nguyễn Đức T chuyển đến địa điểm khác sinh sống nhưng không thông báo nơi cư trú mới cho nguyên đơn Ngân hàng S thì xác định ông Nguyễn Đức T là cố tình giấu địa chỉ. Do bị đơn ký kết hợp đồng đã lấy địa chỉ tại số: đường LTT, phường BHH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh đã triệu tập ông Nguyễn Đức T đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông Nguyễn Đức T không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nên Tòa án nhân dân quận Bình Tân tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Đức T theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thành N có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

2. Xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về hình thức và nội dung của hợp đồng: Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 13 tháng 3 năm 2020) giữa Ngân hàng S và ông Nguyễn Đức T được lập thành văn bản, khi giao kết hợp đồng các bên đầy đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết. Hợp đồng giữa các bên phù hợp với quy định tại Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-

NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, do đó hợp đồng phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên.

[2.3] Đối với yêu cầu của Ngân hàng S buộc bị đơn là ông Nguyễn Đức T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ 64.808.070 đồng (nợ gốc là: 27.738.390 đồng; nợ lãi quá hạn là 37.069.680 đồng) tính đến ngày 15/8/2024 và tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 15 tháng 8 năm 2024 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại Giấy đề nghị cấp thẻ kiêm hợp đồng ngày 13 tháng 3 năm 2020 và Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về số tiền nợ gốc: căn cứ Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13 tháng 3 năm 2020; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S).

Ngân hàng S đã phát hành thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Đức T với hạn mức tín dụng là 25.000.000 đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2.6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, tính đến ngày 22/8/2021 ông Nguyễn Đức T còn nợ Ngân hàng số tiền là 26.101.631 đồng. Do bị đơn không thanh toán bất cứ khoản nào cho bên nguyên đơn nên đến ngày 22 tháng 11 năm 2021, Ngân hàng S đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn theo thỏa thuận tại Điều 23 của Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng với toàn bộ dư nợ gốc tại thời điểm này là 27.738.390 đồng thành dư nợ quá hạn. Căn cứ Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Nguyễn Đức T trả số tiền gốc là 27.738.390 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về số tiền lãi: do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 22/8/2021 nên đến ngày 22/11/2021 bên phía Ngân hàng S đã chuyển toàn bộ khoản nợ thành nợ quá hạn và bên bị đơn có nghĩa vụ phải trả lãi với mức lãi suất là 3.9%/tháng là đúng với hợp đồng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 13 tháng 3 năm 2020; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S) mà các bên đã ký kết. Do đó nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền lãi tính đến ngày 15/8/2024 là 37.069.680 đồng là có căn cứ, vì vậy yêu cầu của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu buộc bị đơn ông Nguyễn Đức T phải tiếp tục trả nợ lãi phát sinh kể từ sau ngày Tòa án xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết số tiền nợ Ngân hàng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí:

Do ông Nguyễn Đức T phải trả khoản tiền là 64.808.070 đồng cho Ngân hàng S nên ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí có giá ngạch là 3.240.404 (Ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn bốn trăm lẻ bốn) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí là 1.257.799 (Một triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi chín) đồng theo Biên lai thu tiền tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0026865, ngày ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 217, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 357, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 91, Điều 95 của Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng S:

Buộc ông Nguyễn Đức T phải trả khoản tiền là 64.808.070 đồng (Sáu mươi bốn triệu tám trăm lẻ tám nghìn không trăm bảy mươi) đồng cho Ngân hàng S ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật theo Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 13 tháng 3 năm 2020; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng S).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ngày 15 tháng 8 năm 2024, ông Nguyễn Đức T vẫn phải tiếp tục trả lãi đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng S.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do ông Nguyễn Đức T phải trả khoản tiền là 64.808.070 đồng cho Ngân hàng S nên ông Nguyễn Đức T phải chịu án phí có giá ngạch là 3.240.404 (Ba triệu hai trăm bốn mươi nghìn bốn trăm lẻ bốn) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng S số tiền tạm ứng án phí là 1.257.799 (Một triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn bảy trăm chín mươi chín) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0026865, ngày ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Số tiền trên được thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Viện kiểm sát cùng cấp được quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Bình Tân;
- CCTHADS quận Bình Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Tiến Trung